

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 171/ 2016/ CV- IRS
(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa
BCTC 6TĐN/2016 và BCTC 6TĐN/2015)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Tên viết tắt: IRS

Trụ sở chính: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia giải trình chênh lệch lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2016 so với 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 là 225.809.365 đồng trong khi lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 là -2.691.794.518 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm 2016 diễn biến thuận lợi, đồng thời Công ty cắt giảm, tiết kiệm tối đa các chi phí hoạt động so với cùng kỳ năm 2015.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, KTTC

TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO



Trần Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TPHCM, SGD HÀ NỘI**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 30, Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên TT HĐQT.

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Số 10/2014/UQ-IRS ngày 21/7/2014.

Địa chỉ: Số 30, Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

24 giờ

72 giờ

Bất thường

Theo yêu cầu

Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố về **Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được công ty kiểm toán soát xét và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được công ty kiểm toán soát xét.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15 tháng 08 năm 2016 tại đường dẫn: www.irs.com.vn/Gioi-thieu-IRS/IRS-cong-bo-thong-tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được công ty kiểm toán soát xét;

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được công ty kiểm toán soát xét.

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ HOÀNG
GIA

Date: 2016.08.15
14:52:28 +07:00



Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY C
PHN CHNG
KHOÁN
QUC T
HOÀNG GIA

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 34

C. T.
FY
HỢP
ĐỊNH GI
AM
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực

Ban Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hương	Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Huy	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 04/02/2016)
Ông Đỗ Trung Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
đính kèm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA *uh*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Hương

Trần Thị Thu Hương

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số : H90-16/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/07/2016, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



ỨNG
T
/B

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		386.451.099	707.244.862
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	01.2		-	-
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	V.2.1.2	386.451.099	707.244.862
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.2.1.3	323.717.652	298.811.289
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	V.2.1.3	2.973.603.273	3.945.496.181
1.8. Doanh thu tư vấn	08	V.2.1.3	2.659.679.128	2.603.025.411
1.9. Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	09	V.2.1.3	45.452.437	-
1.10. Doanh thu lưu ký chứng khoán	10	V.2.1.3	124.390.081	108.040.472
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	V.2.1.3	826.432.214	487.620.214
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)	20		7.339.725.884	8.150.238.429
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	808.300
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	21.1		-	-
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông</i>	21.2		-	808.300
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		3.346.436.266	6.943.546.769
2.9. Chi phí tư vấn	29		687.883.330	-
2.11. Chi phí lưu ký chứng khoán	31		146.304.647	145.517.588
2.12. Chi phí khác	32		3.966.189	132.100.374
<i>Trong đó: chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác</i>	33		-	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)	40	V.2.3	4.184.590.432	7.221.973.031
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	V.2.2	376.763.890	317.302.635
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50		376.763.890	317.302.635
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 54)	60		-	-

12/1
 CÔNG
 CHỨNG
 KHOÁN
 QUỐC
 TẾ
 HOÀNG
 GIA
 17/1

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	V.2.4	3.251.268.741	3.937.453.306
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		280.630.601	(2.691.885.273)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		1.588.531	90.755
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		1.588.531	90.755
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		282.219.132	(2.691.794.518)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		282.219.132	(2.691.794.518)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		56.409.767	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	V.2.5	56.409.767	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (200 = 90-100)	200		225.809.365	(2.691.794.518)
11.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		225.809.365	(2.691.794.518)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	301		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		7,53	(204,19)
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501		7,53	(204,19)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

Mẫu số B02g - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		308.613.547.877	297.784.003.158
I. Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)	110		306.926.807.784	296.413.805.204
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.1.	136.570.712.951	149.670.521.612
1.1. Tiền	111.1		134.570.712.951	138.970.521.612
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		2.000.000.000	10.700.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.1.3.	10.013.026.783	18.012.866.783
4. Các khoản cho vay	114	V.1.3.3	34.238.889.600	952.638.301
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.1.3.2	108.250.000.000	108.250.000.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.1.3.4	(5.517.627)	(5.517.627)
7. Các khoản phải thu	117	V.1.4.	183.555.556	758.599.998
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		183.555.556	758.599.998
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		183.555.556	758.599.998
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	V.1.4.	28.676.140.521	29.774.696.137
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	V.1.9.	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 136)	130		1.686.740.093	1.370.197.954
1. Tạm ứng	131	V.1.12.	16.000.000	7.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.1.14.	273.129.877	28.296.131
5. Tài sản ngắn hạn khác	135	V.1.6.	1.397.610.216	1.334.901.823
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		8.430.876.263	8.563.994.495
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		766.290.140	1.008.219.431
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.1.10.	369.956.817	514.886.106
- Nguyên giá	222		4.371.204.212	4.371.204.212
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(4.001.247.395)	(3.856.318.106)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.1.11.	396.333.323	493.333.325
- Nguyên giá	228		2.696.699.470	2.696.699.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(2.300.366.147)	(2.203.366.145)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		7.664.586.123	7.555.775.064
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		295.196.628	295.196.628
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.1.14.	689.795.060	1.040.090.249
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.1.15.	6.679.594.435	6.220.488.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		317.044.424.140	306.347.997.653

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		14.483.358.534	4.012.741.412
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		14.483.358.534	4.012.741.412
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		11.681.600.000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312	V.1.13.	11.681.600.000	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	A.5.7	435.800.000	2.165.732.480
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		11.305.030	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	A.5.8	1.209.179.010	928.679.010
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.1.5.	553.737.850	680.275.049
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		5.589.684	13.705.339
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.1.7.	535.150.218	215.714.887
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.1.8.	50.996.742	8.634.647
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		302.561.065.606	302.335.256.241
I. Vốn chủ sở hữu	410		302.561.065.606	302.335.256.241
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		294.285.000.000	294.285.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.5 Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		30.495.051	30.495.051
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		30.495.051	30.495.051
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.1.16.	8.215.075.504	7.989.266.139
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		8.215.075.504	7.989.266.139
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300+400)	440		317.044.424.140	306.347.997.653
LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450		-	-
1. Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư trong năm	451		-	-

Mẫu số B02g - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết				
			<i>Số lượng chứng khoán</i>	
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		29.682.500	29.682.500
7. Cổ phiếu quỹ	007		317.500	317.500
			<i>Đồng Việt Nam</i>	
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008		6.930.000	6.730.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		6.930.000	6.730.000
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng				
			<i>Số lượng chứng khoán</i>	
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.1.19.	54.683.345	38.042.687
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		52.738.034	35.582.212
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.402.411	1.374.011
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		542.900	1.086.464
			<i>Đồng Việt Nam</i>	
6. Tiền gửi của khách hàng	026		26.110.121.855	28.687.438.439
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	V.1.20.	26.106.258.024	28.686.583.439
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027.1		26.106.258.024	28.686.583.439
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng			1.019.131	-
6.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	029	V.1.21.	2.844.700	855.000
7. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030	V.1.22.	26.107.277.155	28.686.583.439
7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		26.107.247.529	28.686.553.814
7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2		29.626	29.625
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.1.22.	2.844.700	855.000

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu

Mã số

Thuyết minh

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND
 Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		282.219.132	(2.691.794.518)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(891.300.744)	(1.617.750.271)
- Khấu hao tài sản cố định	03		241.929.291	232.642.659
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		319.435.331	489.384.990
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		(1.092.168.016)	(1.801.705.434)
- Dự thu tiền lãi	08		(360.497.350)	(538.072.486)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	20		-	-
5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động	30		(25.252.658.249)	(9.551.350.715)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi	31		7.999.840.000	(6.001.028.500)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(33.286.251.299)	(3.924.936.097)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	35		96.461.443	340.210.532
- Tăng (giảm) các khoản phải thu	36		(62.708.393)	34.403.350
- Tăng (giảm) vay và nợ thuê tài sản tài chính	37		-	-
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42		(188.778.610)	6.201.612.214
- Tăng (giảm) phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	44		575.044.442	(292.163.997)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		1.098.555.616	8.010.730.908
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	47		183.555.556	352.330.664
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	48		11.305.030	171.464.285
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		(126.537.199)	(259.587.653)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	51		(1.415.186.040)	(950.795.748)
- Tăng (giảm) thuế TNDN CTCK đã nộp	52		(56.409.767)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		(459.106.248)	(830.366.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(26.050.518.471)	(7.659.283.290)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		-	(413.600.000)
5. Tiền thu về lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		1.269.109.810	1.987.447.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		1.269.109.810	1.573.847.256
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay gốc	73		11.681.600.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		11.681.600.000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(13.099.808.661)	(6.085.436.034)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1.1.	149.670.521.612	60.467.867.327
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	102		146.546.498.133	60.255.742.307

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		135.846.498.133	36.955.742.307
- Các khoản tương đương tiền	102.2		10.700.000.000	23.300.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1.1.	136.570.712.951	54.382.431.293
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	104		134.670.995.962	52.213.230.508
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		132.670.995.962	43.547.230.508
Các khoản tương đương tiền	104.2		2.000.000.000	8.666.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		878.490.321.400	882.465.288.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(877.075.473.000)	(954.369.507.600)
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06		(880.923.323.037)	(845.069.419.898)
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	09		877.075.473.000	954.369.507.600
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(146.304.647)	(135.517.589)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		9.502.717.471	7.084.135.476
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(9.499.872.771)	(7.042.283.513)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(2.576.461.584)	37.302.202.876
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		28.686.583.439	30.584.431.877
1. Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý.	32	V.1.20.	28.686.583.439	30.584.431.877
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)	40		26.110.121.855	67.886.634.753
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	V.1.20.	26.106.258.024	67.886.634.753
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44	V.1.20.	1.019.131	-
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	46	V.1.21.	2.844.700	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015		Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		30/06/2015	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	-	-	-	135.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		135.000.000.000	-	-	-	135.000.000.000	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ		(5.715.000.000)	-	-	-	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		21.759.119	-	-	-	21.759.119	30.495.051
4. Quỹ dự phòng tái chính và rủi ro nghiệp vụ		21.759.119	-	-	-	21.759.119	30.495.051
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							
8. Lợi nhuận chưa phân phối		7.832.019.367	7.989.266.139	225.809.365	-	5.140.224.849	8.215.075.504
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		7.832.019.367	7.989.266.139	225.809.365	-	5.140.224.849	8.215.075.504
Tổng cộng		137.160.537.605	302.335.256.241	225.809.365	-	134.468.743.087	302.561.065.606

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Kế toán trưởng

Ngô Hà Chi

Ngô Hà Chi

Người lập biểu

Nguyễn Thị Khanh

Nguyễn Thị Khanh

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty đã có 04 lần điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 8/12/2015 và giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016 thì:

- Vốn điều lệ theo đăng ký: **300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng).**
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp./.

Trụ sở Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

202
: ONI
+ NHÍ
TOÁN
HẾT
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

- + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán cho Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 thay thế cho các quy định về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 210 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế cho các quy định về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của Thông tư 210

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính**2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty**

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro)

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phải được nhận loại lại vào FVTPL.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay

Công ty thực hiện cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng. Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc, dựa trên hợp đồng đã ký kết với khách hàng.

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL)

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo thu nhập toàn diện riêng ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài chính FVTPL được phản ánh trên cơ sở thuần (bằng giá mua hoặc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại):

- Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn tài sản tài chính đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

- Các tài sản tài chính này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

3. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền để thực hiện 04 Dự án: Dự án xử lý nước thải Từ Sơn, Dự án xử lý nước thải Cửa Lò, Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát, dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn và đầu tư góp vốn Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố định tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch	04 - 05

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện vận phòng, hệ thống mạng và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 3 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phần chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;
- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác,

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập toàn diện trong kỳ dựa trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ phần lãi trước ngày mua chứng khoán nợ được hạch toán giảm giá vốn chứng khoán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện riêng theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán.

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

1012
CỔ
RỊCH
.EM T
VI
AU G

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính

1. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.899.716.989	954.822.694
Tiền gửi ngân hàng	132.670.995.962	138.015.698.918
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi Ngân hàng	132.670.995.962	138.015.698.918
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	10.700.000.000
Cộng	136.570.712.951	149.670.521.612

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng đã được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

1.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a) Của Công ty chứng khoán		
b) Của Nhà Đầu tư		
- Cổ phiếu	128.108.772	1.838.258.546.600
Cộng	128.108.772	1.838.258.546.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

1.3. Các loại tài sản tài chính**1.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>12.781.338</i>	<i>7.480.656</i>	<i>12.621.338</i>	<i>7.320.656</i>
ACB	476.776	415.800	476.776	415.800
BVS	1.980.000	714.000	1.980.000	714.000
PVS	879.000	851.700	879.000	851.700
STB	127.448	117.900	127.448	117.900
CSM	175.000	174.100	75.000	74.100
PVX	700.000	111.600	700.000	111.600
SHN	1.700.000	1.105.000	1.700.000	1.105.000
VCG	2.820.180	937.900	2.820.180	937.900
DIG	187.778	45.500	187.778	45.500
KLS	1.372.000	646.800	1.372.000	646.800
DTL	95.200	92.400	60.200	57.400
PVI	865.556	865.556	865.556	865.556
TCM	160.000	160.000	160.000	160.000
SRC	167.000	167.000	142.000	142.000
SDC	550.400	550.400	550.400	550.400
VCS	525.000	525.000	525.000	525.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>245.445</i>	<i>28.500</i>	<i>245.445</i>	<i>28.500</i>
MMC	245.445	28.500	245.445	28.500
<i>Công cụ thị trường tiền tệ - tiền gửi có kỳ hạn cố định</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	10.013.026.783	10.007.509.156	18.012.866.783	18.007.349.156

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

1.3.2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Đơn vị tính: VND

Tài sản AFS	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:	105.250.000.000	105.250.000.000	105.250.000.000	105.250.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn (I)	25.175.000.000	25.175.000.000	25.175.000.000	25.175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò (II)	175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

+ Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát (iii)	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
+ Dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn (iv)	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên (v)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	108.250.000.000	108.250.000.000	108.250.000.000	108.250.000.000

(i) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Từ Sơn theo Quyết định số 29A/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 34,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(ii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Cửa Lò theo Quyết định số 29B/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 2,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(iii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát theo Hợp đồng BT 01 giữa TP HCM với Liên danh 3 bên. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 1.868 tỷ đồng, trong đó liên danh 3 bên góp 30% tổng mức vốn của dự án.

(iv) Khoản đầu tư vào khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn theo Quyết định số 1726 ngày 31/12/2015 của chủ tịch UBND Tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 229 tỷ đồng.

(v) Khoản đầu tư vào Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên theo Quyết định số 01/2008/QĐ-IRS ngày 01/09/2008 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty mua 300.000 cổ phần tại Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên, chiếm 10% vốn điều lệ.

1.3.3 Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	33.886.001.099	33.886.001.099	75.204.320	75.204.320
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	352.888.501	352.888.501	877.433.981	877.433.981
Cộng	34.238.889.600	34.238.889.600	952.638.301	952.638.301

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B05b - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Đơn vị tính: VND

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng kỳ này					Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá số sách kế toán	Đơn giá	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
Tài sản tài chính FVTPL		10.013.026.783	-	10.007.509.156	5.517.627	5.517.627	-
<i>Cổ phiếu</i>		13.026.783		7.509.156	5.517.627	5.517.627	-
ACB	21	476.776	22.704	415.800	60.976	60.976	-
BVS	60	1.980.000	33.000	714.000	1.266.000	1.266.000	-
PVS	51	879.000	17.235	851.700	27.300	27.300	-
STB	9	127.448	14.161	117.900	9.548	9.548	-
CSM	8	175.000	21.875	174.100	900	900	-
PVX	36	700.000	19.444	111.600	588.400	588.400	-
SHN	85	1.700.000	20.000	1.105.000	595.000	595.000	-
VCG	83	2.820.180	33.978	937.900	1.882.280	1.882.280	-
DIG	5	187.778	37.556	45.500	142.278	142.278	-
KLS	98	1.372.000	14.000	646.800	725.200	725.200	-
DTL	12	95.200	7.933	92.400	2.800	2.800	-
PVI	41	865.556	21.111	865.556	-	-	-
TCM	8	160.000	20.000	160.000	-	-	-
SRC	13	167.000	12.846	167.000	-	-	-
SDC	86	550.400	6.400	550.400	-	-	-
VCS	49	525.000	10.714	525.000	-	-	-
MMC	19	245.445	12.918	28.500	216.945	216.945	-
Công cụ thị trường tiền tệ	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B05b - CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Đơn vị tính: VND

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng kỳ này					Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá số sách kế toán	Đơn giá	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
Các khoản cho vay và phải thu	-	34.238.889.600	-	34.238.889.600	-	-	-
Cho vay hoạt động Margin	-	33.886.001.099	-	33.886.001.099	-	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	-	352.888.501	-	352.888.501	-	-	-
TSTC AFS	-	108.250.000.000	-	108.250.000.000	-	-	-
Uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:		105.250.000.000	-	105.250.000.000	-	-	-
+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn		25.175.000.000	-	25.175.000.000	-	-	-
+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò		175.000.000	-	175.000.000	-	-	-
+ Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát		57.000.000.000	-	57.000.000.000	-	-	-
+ Dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn		22.900.000.000	-	22.900.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

Mã số B05b - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá số sách kế toán	Đơn giá	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC		
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
	-	152.501.916.383	-	152.496.398.756	5.517.627	5.517.627

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

1.4. Các khoản phải thu	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	<i>183.555.556</i>	<i>758.599.988</i>
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	183.555.556	758.599.988
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	28.676.140.521	29.774.696.137
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	14.142.840	21.196.137
Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	28.469.000.000	28.469.000.000
- Nguyễn Hữu Tuấn	6.057.000.000	6.057.000.000
- Phạm Thanh Nam	22.412.000.000	22.412.000.000
Phải thu dịch vụ tư vấn	192.997.681	1.284.500.000
Cộng	28.859.696.077	30.533.296.125
<i>(*) Chi tiết tại thuyết minh số V.1.9.</i>		
1.5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	73.397.681	234.069.008
Thuế thu nhập cá nhân	480.340.169	446.206.041
Cộng	553.737.850	680.275.049
1.6. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước phí hoa hồng theo hợp đồng	70.682.000	62.826.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	266.895.360	155.633.200
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.060.032.856	1.116.442.623
Cộng	1.397.610.216	1.334.901.823
1.7. Chi phí phải trả	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	113.750.218	53.914.887
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	270.000.000	-
Chi phí phải trả khác	151.400.000	161.800.000
Cộng	535.150.218	215.714.887
1.8. Phải trả, phải nộp khác	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hoa hồng môi giới	22.213.186	-
Phải trả khác	28.783.556	8.634.647
Cộng	50.996.742	8.634.647



=
= G
= P
= A
= H
= N
=

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

(Số điện thoại: (84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B05b - CTCK**PHỤ LỤC 1: THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Tham chiếu	30/06/2016			Số cuối kỳ	01/01/2016
		Số đầu năm	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ		
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Nguyễn Hữu Tuấn		2.340.335.101	-	-	2.340.335.101	2.340.335.101
Phạm Thanh Nam		8.659.664.899	-	-	8.659.664.899	8.659.664.899
Tổng cộng		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000

Đơn vị tính: VND

26

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***1.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2016	1.623.734.000	2.747.470.212		4.371.204.212
Số dư ngày 30/06/2016	1.623.734.000	2.747.470.212		4.371.204.212
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2016	1.482.051.500	2.374.266.606		3.856.318.106
Khấu hao trong kỳ	94.455.000	50.474.289		144.929.289
Số dư ngày 30/06/2016	1.576.506.500	2.424.740.895		4.001.247.395
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	141.682.500	373.203.606		514.886.106
Tại ngày 30/06/2016	47.227.500	322.729.317		369.956.817

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.696.544.212 VND.

1.11. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND	
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2016	2.696.699.470		2.696.699.470
Số dư ngày 30/06/2016	2.696.699.470		2.696.699.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	2.203.366.145		2.203.366.145
Khấu hao trong kỳ	97.000.002		97.000.002
Số dư ngày 30/06/2016	2.300.366.147		2.300.366.147
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	493.333.325		493.333.325
Tại ngày 30/6/2016	396.333.323		396.333.323

1.12. Tạm ứng

Tạm ứng nhân viên	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	16.000.000	7.000.000
Cộng	16.000.000	7.000.000

1.13. Vay

Loại vay ngắn hạn	01/01/2016	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
					30/06/2016
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	-	11.681.600.000	-		11.681.600.000
Cộng	-	11.681.600.000	-		11.681.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

(**) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền vay 11.681.600.000 VND. Lãi suất vay trong hạn: 8%/năm. Tài sản cầm cố: là 03 hợp đồng tiền gửi gồm: Hợp đồng tiền gửi số 0005/040316/HĐTG/SHB.110205 ngày 04/03/2016 - mệnh giá 10 tỷ đồng; Hợp đồng tiền gửi số 0016/051215/HĐTG/SHB.110205 ngày 05/06/2016 - mệnh giá 1 tỷ đồng và Hợp đồng tiền gửi số 0017/051215/HĐTG/SHB.110205 ngày 05/06/2016 - mệnh giá 1 tỷ đồng.*

1.14. Chi phí trả trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	273.129.877	28.296.131
	273.129.877	28.296.131
Dài hạn		
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	689.795.060	1.040.090.249
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	440.429.864	619.837.238
	249.365.196	420.253.011
Cộng	962.924.937	1.068.386.380

1.15. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.379.664.292	4.286.290.259
Tiền lãi phân bổ trong năm	2.179.930.143	1.814.197.928
Cộng	6.679.594.435	6.220.488.187

1.16. Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	8.215.075.504	7.989.266.139
Cộng	8.215.075.504	7.989.266.139

1.17. Các tài sản đã cầm cố, thế chấp

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND	Mục đích
a) Ngắn hạn	12.000.000.000	-	Đảm bảo cho khoản vay
b) Dài hạn	-	-	
Cộng	12.000.000.000	-	

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016

Tel: (84-4) 3 944 6666

Fax: (84-4) 3 944 6969

đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B05b - CTCK**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***1.18. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán**

Tài sản tài chính	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.509.156	7.349.156
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	12.000.000.000	-
Cộng	12.007.509.156	7.349.156

1.19. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	527.380.340.000	355.822.120.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	14.024.110.000	13.740.110.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.429.000.000	10.864.640.000
Tài sản tài chính chờ cho vay	-	-
Cộng	546.833.450.000	380.426.870.000

1.20. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	26.106.258.024	28.686.583.439
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	26.106.228.398	28.686.553.814
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	29.626	29.625
2. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương	-	-
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.019.131	-
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	-
Cộng	26.107.277.155	28.686.583.439

1.21. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	2.844.700	855.000
Cộng	2.844.700	855.000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 944 6666

Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B05b - CTCK**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***1.22. Phải trả Nhà đầu tư**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản	26.107.277.155	28.686.583.439
- Nhà đầu tư trong nước	26.107.247.529	28.686.553.814
- Nhà đầu tư nước ngoài	29.626	29.625
Phải trả khác của Nhà đầu tư	2.844.700	855.000
- Nhà đầu tư trong nước	2.844.700	855.000
- Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Cộng	26.110.121.855	28.687.438.439

1.23. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty chứng khoán

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	14.142.840	21.196.137
Cộng	14.142.840	21.196.137

1.24. Phải trả vay Công ty chứng khoán của Nhà đầu tư

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
1. Phải trả nghiệp vụ Margin	-	-
2. Phải trả gốc Margin	33.886.001.099	75.204.320
2.1 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư trong nước	33.886.001.099	75.204.320
2.2 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư nước ngoài	-	-
3 Phải trả lãi Margin	-	-
4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	352.888.501	877.433.981
4.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	352.888.501	877.433.981
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	352.888.501	877.433.981
Cộng	34.238.889.600	952.638.301

128
CƠ
34NH
TOÁN
HIỆ
31A

NG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

chi: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
(84-4) 3 944 6666 Fax: (84-4) 3 944 6969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B05b - CTCK

N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Thuyết minh về Báo cáo thu nhập toàn diện

Thu nhập

1. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Đơn vị tính: VND
B	3	4				
Loại FVTPL	10.013.026.783	10.007.509.156	5.517.627	5.517.627	-	
Cổ phiếu niêm yết	12.781.338	7.480.656	5.300.682	5.300.682	-	
ACB	476.776	415.800	60.976	60.976	-	
BVS	1.980.000	714.000	1.266.000	1.266.000	-	
PVS	879.000	851.700	27.300	27.300	-	
STB	127.448	117.900	9.548	9.548	-	
CSM	175.000	174.100	900	900	-	
PVX	700.000	111.600	588.400	588.400	-	
SHN	1.700.000	1.105.000	595.000	595.000	-	
VCG	2.820.180	937.900	1.882.280	1.882.280	-	
DIG	187.778	45.500	142.278	142.278	-	
KLS	1.372.000	646.800	725.200	725.200	-	
DTL	95.200	92.400	2.800	2.800	-	
PVI	865.556	865.556	-	-	-	
TCM	160.000	160.000	-	-	-	
SRC	167.000	167.000	-	-	-	
SDC	550.400	550.400	-	-	-	
VCS	525.000	525.000	-	-	-	
Cổ phiếu chưa niêm yết	245.445	28.500	216.945	216.945	-	
MMC	245.445	28.500	216.945	216.945	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

- 2. Thuyết minh về Báo cáo thu nhập toàn diện**
2.1. Thu nhập
2.1.1 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Đơn vị tính: VND
A	B	3	4	(5=3-4)	6	(7=5-6)	
3	Công cụ thị trường tiền tệ	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	
	Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	
II.	Loại các khoản cho vay và phải thu	34.238.889.600	34.238.889.600	-	-	-	
1	Cho vay hoạt động Margin	33.886.001.099	33.886.001.099	-	-	-	
2	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	352.888.501	352.888.501	-	-	-	
IV	Loại AFS	108.250.000.000	108.250.000.000	-	-	-	
	Uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:	105.250.000.000	105.250.000.000	-	-	-	
	+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn	25.175.000.000	25.175.000.000	-	-	-	
	+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò	175.000.000	175.000.000	-	-	-	
	+ Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát	57.000.000.000	57.000.000.000	-	-	-	
	+ Dự án khu nhà ở xã Hương Mộc - Từ Sơn	22.900.000.000	22.900.000.000	-	-	-	
	Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	
	Cộng	152.501.916.383	152.496.398.756	5.517.627	5.517.627	-	

121 B 5 A - 197

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

2.1.2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	386.451.099	707.244.862
Cộng	386.451.099	707.244.862

2.1.3. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

Các loại doanh thu khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.973.603.273	3.945.496.181
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.659.679.128	2.603.025.411
Doanh thu lưu ký chứng khoán	124.390.081	108.040.472
Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đầu giá	45.452.437	-
Doanh thu từ lãi các khoản cho vay, phải thu	323.717.652	298.811.289
Doanh thu khác	826.432.214	487.620.214
Cộng	6.953.274.785	7.442.993.567

2.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	376.763.890	317.302.635
Cộng	376.763.890	317.302.635

2.3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.346.436.266	6.943.546.769
Chi phí nghiệp vụ tư vấn	687.883.330	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	146.304.647	145.517.588
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	-	808.300
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	3.966.189	132.100.374
Cộng	4.184.590.432	7.221.973.031

2.4. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.121.627.073	2.734.048.609
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	271.408.172	452.068.958
Chi phí khấu hao TSCĐ	150.815.001	141.528.369
Chi phí thuế, phí, lệ phí	21.100.387	7.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	686.318.108	602.327.370
Cộng	3.251.268.741	3.937.453.306
2.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	56.409.767	
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	56.409.767	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	56.409.767	-

3. Những thông tin khác

3.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

3.2 Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Lương	505.000.000	630.000.000
Cộng	505.000.000	630.000.000

3.3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Và như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), hướng dẫn chế độ kế toán Công ty chứng khoán, theo đó một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của Thông tư 210.

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương